

Số: 252 /BC-BYT

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO**Tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19**

(Từ 16h00 ngày 25/02/2022 đến 16h00 ngày 26/02/2022)

Bộ Y tế (Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Quốc gia) báo cáo tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19 như sau:

I. Tình hình dịch bệnh trên thế giới

Tổng số ca mắc COVID-19 trên toàn cầu vượt 433,7 triệu ca, trong đó trên 5,9 triệu ca tử vong. Trong tuần, thế giới ghi nhận trên 11 triệu ca mắc mới, 61.000 ca tử vong, giảm 15% ca mắc và giảm 12% ca tử vong so với tuần trước đó.

Số ca mắc mới nhìn chung giảm ở nhiều nước và khu vực. châu Âu giảm 21%, Bắc Mỹ giảm 32%, Nam Mỹ giảm 24%, châu Phi giảm 26%. Riêng châu Á tăng 3%, nếu tính theo tỉ lệ tăng, Hong Kong (Trung Quốc) chứng kiến mức gia tăng cao nhất. Số ca mắc tại Hong Kong trong tuần này tăng 159% so với tuần trước, khiến thành phố phải tăng cường các yêu cầu kiểm tra và giãn cách xã hội.

Thủ đô Phnom Penh của Campuchia đang phải đối mặt với đợt lây nhiễm COVID-19 mới, đặc biệt là những ca nhiễm biến thể Omicron. Các cơ quan chức năng ở thủ đô đã nỗ lực kiểm chế số ca mắc ở trẻ em đang liên tục được ghi nhận và hơn 10 trường học trên địa bàn đã phải đóng cửa. Đến nay, đã có hơn 500 học sinh tại thủ đô bị nhiễm COVID-19. Nhiều chuyên gia khuyến cáo các nhà trường nên đẩy mạnh các nhóm học trực tuyến cho tới khi kiểm chế được đợt lây nhiễm mới có tốc độ lan rất nhanh này.

II. Tình hình dịch bệnh tại Việt Nam

Tính đến 16h00 ngày 26/02/2022, cả nước ghi nhận 3.219.177 ca mắc, trong đó 3.213.419 ca trong nước. Đến nay đã có 2.376.046 người khỏi bệnh, 39.962 ca tử vong. Trong đợt dịch thứ 4 đã ghi nhận 3.216.325 ca, trong đó có 3.211.849 ca trong nước, 2.373.229 người đã khỏi bệnh (73,8%), 39.927 tử vong tại 60 tỉnh, thành phố (chi tiết tại Phụ lục 1).

III. Tình hình dịch trong ngày**1. Số ca mắc mới trong ngày**

- Ghi nhận 77.982 ca mắc mới, trong đó 77.970 ca ghi nhận trong nước (giảm 804 ca so với ngày trước đó) tại 61 tỉnh, thành phố.

+ Các địa phương ghi nhận trong ngày: Hà Nội (10.783), Nghệ An (3.985), Vĩnh Phúc (2.995), Hưng Yên (2.962), Tuyên Quang (2.737), Phú Thọ (2.696), Nam Định (2.654), Quảng Ninh (2.559), Hải Dương (2.534), Hòa Bình (2.373), Sơn La (2.136), Hồ Chí Minh (2.069), Ninh Bình (2.063), Bắc Ninh (2.041), Hải Phòng (2.025), Bắc Giang (1.998), Yên Bái (1.954), Lào Cai (1.929), Đắk Lắk (1.896), Thái Bình (1.667), Hà Giang (1.590), Thái Nguyên (1.485), Quảng Bình (1.266), Khánh Hòa (1.211), Cao Bằng (1.112), Bình Phước (1.092), Điện Biên (1.067), Lạng Sơn (1.000), Đà Nẵng (986), Bình Định (918), Thanh Hóa (875), Bà Rịa - Vũng Tàu (866), Quảng Nam

(829), Hà Tĩnh (748), Lâm Đồng (729), Gia Lai (712), Hà Nam (705), Bình Dương (696), Cà Mau (527), Quảng Trị (492), Lai Châu (475), Thừa Thiên Huế (248), Quảng Ngãi (236), Bắc Kạn (223), Tây Ninh (211), Bến Tre (198), Kon Tum (197), Bình Thuận (196), Đắk Nông (180), Bạc Liêu (163), Trà Vinh (130), Đồng Nai (128), Vĩnh Long (114), Kiên Giang (98), Long An (60), Cần Thơ (47), Đồng Tháp (30), An Giang (26), Ninh Thuận (22), Hậu Giang (17), Tiền Giang (9).

+ Có 12 ca nhập cảnh ghi nhận tại Hà Nội (4), Bà Rịa - Vũng Tàu (2), Hồ Chí Minh (2), Thái Nguyên (1), Phú Thọ (1), Tây Ninh (1), An Giang (1).

- Trong ngày, ghi nhận báo cáo bổ sung 20.894 ca mắc COVID-19 tại tỉnh Thái Nguyên sau khi ghi nhận đầy đủ thông tin.

- Các địa phương ghi nhận số ca mắc trong ngày giảm nhiều so với ngày trước: Quảng Ninh (giảm 2.056), Bắc Giang (giảm 1.565), Lạng Sơn (giảm 1.046).

- Các địa phương ghi nhận số ca mắc trong ngày tăng so với ngày trước: Nghệ An (tăng 1.561), Hà Nội (tăng 947), Vĩnh Phúc (tăng 628).

2. Kết quả giám sát điều trị

- Từ đầu giai đoạn 4 đến nay, có 2.373.229 người đã khỏi bệnh (73,8%), tăng 20.427 người so với ngày trước đó. Hiện nay đang điều trị, giám sát 802.169 trường hợp, trong đó có 2.979 trường hợp nặng đang điều trị, trong đó: (1) Thở ô xy qua mặt nạ: 2.372 (2) Thở ô xy dòng cao HFNC: 285; (3) Thở máy không xâm lấn: 81; (4) Thở máy xâm lấn: 230; (5) EMO:11.

- Trong ngày 25/02, ghi nhận 78 trường hợp tử vong (giảm 33 trường hợp so với ngày trước đó), gồm: Hà Nội (20), Đà Nẵng (7), Hải Phòng (3), Hòa Bình (3), Nghệ An (3), Phú Thọ (3), Thanh Hóa (3), Bạc Liêu (2), Bình Định (2), Bình Phước (2), Cao Bằng (2), Đắk Lắk (2), Hải Dương (2), Kiên Giang (2), Lạng Sơn (2), Ninh Bình (2), Quảng Bình (2), Thái Bình (2), Bình Thuận (1), Cần Thơ (1), Đồng Nai (1), Đồng Tháp (1), Hà Nam (1), Hậu Giang (1), Lâm Đồng (1), Long An (1), Phú Yên (1), Quảng Nam (1), Quảng Ninh (1), Quảng Trị (1), Thái Nguyên (1), TP. Hồ Chí Minh (1).

IV. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Ngày 25/2/2021, Bộ Y tế ban hành Công văn số 913/BYT-TB-CT về việc đảm bảo cung cấp trang thiết bị y tế phục vụ phòng, chống dịch COVID-19.

- Tăng cường thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng để người dân hiểu về chiến lược thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19 trong tình hình mới; không mặc cảm, kỳ thị những người nhiễm hoặc nghi nhiễm COVID-19; người dân về từ các địa bàn có nguy cơ chủ động khai báo với cơ quan y tế địa phương để được hướng dẫn theo dõi sức khỏe, lấy mẫu xét nghiệm và áp dụng các biện pháp phòng bệnh theo quy định.

- Tiếp tục chỉ đạo các địa phương tăng cường giám sát, phát hiện sớm các trường hợp nghi ngờ mắc COVID-19 tại cộng đồng, các trường hợp có biểu hiện ho, sốt để kịp thời khoanh vùng, cách ly, xử lý triệt để ổ dịch không để lây lan, bùng phát rộng; đồng thời triển khai tốt các hoạt động y tế, tránh lây nhiễm chéo trong cách ly, khu phong tỏa.

- Chỉ đạo các địa phương tăng cường tiêm vaccine phòng COVID-19, tổ chức tiêm vaccine mũi thứ 3 cho người từ 18 tuổi trở lên, hoàn thành trong Quý I năm 2022; tiêm mũi thứ 2 cho trẻ em từ 12 đến dưới 18 tuổi, hoàn thành trong tháng 2 năm 2022; chuẩn bị sẵn sàng mọi điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện bảo quản, địa điểm, nhân lực để tiêm chủng cho trẻ em từ 5 tuổi đến dưới 12 tuổi ngay sau khi được cung ứng vaccine.

V. Công tác xét nghiệm:

Tính đến ngày 25/2/2022, cả nước đã thực hiện xét nghiệm được 39.228.320 mẫu cho 82.719.470 lượt người được xét nghiệm, trong đó từ 29/4/2021 – nay đã thực hiện xét nghiệm được 33.495.156 mẫu tương đương 78.971.531 lượt người, tăng 110.825 mẫu so với ngày trước đó. Về việc gộp mẫu bệnh phẩm, từ ngày 16/8/2020 đến nay cả nước đã thực hiện 6.857.332 mẫu gộp cho 48.449.546 lượt người.

VI. Công tác tiêm chủng:

1. Tiến độ tiếp nhận vắc xin

Tổng số vắc xin đã tiếp nhận đến ngày 26/02/2022 là 213.663.114 liều, cụ thể:

TT	Loại vắc xin	Nguồn Ngân sách nhà nước mua	Nguồn viện trợ, tài trợ				Tổng số vắc xin đã tiếp nhận
			Tổng viện trợ, tài trợ	Viện trợ COVAX	Viện trợ Chính phủ các nước	Tài trợ doanh nghiệp	
	(1)	(2)	(3) = 4+5+6	(4)	(5)	(6)	(7)=2+3
1	AstraZeneca	30.327.036	32.863.320	12.927.860	19.549.060	386.400	63.190.356
2	Pfizer	50.999.130	26.376.270	23.999.040	2.377.230	0	77.375.400
3	Moderna	0	14.077.160	14.036.360	40.800	0	14.077.160
4	Sinopharm	20.000.000	32.261.200	61.200	7.200.000	25.000.000	52.261.200
5	Abdala	5.000.000	150.000	0	150.000	0	5.150.000
6	Sputnik V	0	1.508.998	0	32.000	1.476.998	1.508.998
7	Sputnik Light	0	100.000	0	100.000	0	100.000
I	Tổng số vắc xin đã tiếp nhận	106.326.166	107.336.948	51.024.460	29.449.090	26.863.398	213.663.114
II	Tổng số vắc xin đã phân bổ						201.859.646
III	Số vắc xin viện trợ cho Lào						500.000
IV	Số vắc xin chưa phân bổ						11.303.468

Bộ Y tế đã tiếp nhận đủ số vắc xin mua từ nguồn Ngân sách Nhà nước. Trong tổng số 213,7 triệu liều đã tiếp nhận, đã phân bổ 201,9 triệu liều và viện trợ cho Lào 500.000 liều vắc xin AstraZeneca, còn khoảng 11,3 triệu liều chưa phân bổ do mới được tiếp nhận, cần tiến hành các thủ tục để kiểm định chất lượng, xuất xưởng vắc xin.

2. Kết quả tiêm chủng đến hết ngày 25/02/2022

Cả nước đã tiêm 193.274.685 liều (trong ngày tiêm được 384.509 liều), tỷ lệ sử dụng đạt 95,7% số vắc xin phân bổ 128 đợt. Tỷ lệ tiêm trên các nhóm đối tượng như sau:

Đối tượng ¹	Mũi 1	Mũi 2	Mũi 3*
Người lớn (>=18 tuổi)	100,0%	97,9%	34,1%

¹ Hiện tại có sự di biến động dân cư, đặc biệt trong nhóm đối tượng từ 18 tuổi trở lên. Số liệu đối tượng từ 12-17 tuổi và từ 18 tuổi trở lên đang tổng hợp theo Công văn số 3614/VSDTTU-TCQG ngày 31/12/2021 của Viện VSDTTU và theo điều chỉnh của địa phương sau đó (nếu có).

Trẻ em (12-17 tuổi)	98,6%	93,1%	-
---------------------	-------	-------	---

Ghi chú: (*) Mũi nhắc lại

- Số liều tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên là 176.321.500 liều:

+ Mũi 1: 70.752.385 liều

+ Mũi 2: 68.541.895 liều ; Mũi bổ sung: 13.680.006 liều.

+ Mũi 3: 23.347.214 liều

61/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 trên 90%.

2/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 dưới 90% .

- Số liều tiêm cho trẻ từ 12-17 tuổi là 16.953.185 liều:

+ Mũi 1: 8.721.495 liều

+ Mũi 2: 8.231.690 liều.

52/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 trên 90%.

11/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 dưới 90% .

(Chi tiết phân bố và kết quả tiêm chủng của địa phương tại Phụ lục đính kèm)

VII. Hoạt động của các Bộ, ngành: chi tiết tại Phụ lục 4.

VIII. Nhận định

Đến nay dịch bệnh cơ bản đang được kiểm soát trên phạm vi cả nước. Trung bình 7 ngày qua, cả nước ghi nhận 36.000 ca/ngày trong cộng đồng và 85 ca tử vong trong ngày. Thời gian tới, với sự gia tăng nhu cầu đi lại trong các dịp lễ hội đầu xuân; dỡ bỏ hạn chế đối với hoạt động vận chuyển hành khách, mở cửa trường học trở lại và mở cửa du lịch, dự báo số ca mắc có thể tiếp tục gia tăng, ghi nhận nhiều chuỗi lây nhiễm trong cộng đồng, nguy cơ biến chủng Omicron lây lan là rất cao, dẫn đến gia tăng số nhập viện tạo áp lực lớn lên hệ thống chăm sóc y tế, đặc biệt tác động đến các nhóm đối tượng nguy cơ cao (người già, người có bệnh nền).

IX. Một số hoạt động trọng tâm trong thời gian tới

1. Tiếp tục đẩy mạnh tiêm chủng, bảo đảm tiến độ tiêm vắc xin; tăng cường vận động người dân tiêm vắc xin, đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng người để tránh bỏ sót; các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh rà soát và tổ chức tiêm liều cơ bản và liều bổ sung cho người trên 50 tuổi, người có bệnh nền đến khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở; sau khi đã tiêm đủ liều cơ bản thì triển khai tiêm liều bổ sung và liều nhắc lại theo thứ tự ưu tiên; chủ động tiếp cận trước các nguồn vắc xin cho trẻ em dưới 12 tuổi (trước mắt là vắc xin Pfizer theo đa số quốc gia trên thế giới).

2. Nâng cao năng lực tư vấn, hỗ trợ điều trị COVID-19, dự phòng cơ sở thuốc kháng vi rút, thuốc hỗ trợ điều trị COVID-19, vật tư y tế cần thiết...tại các trạm y tế phường, xã, trạm y tế lưu động nhằm đáp ứng nhu cầu tự điều trị COVID-19 tại nhà của người dân và giảm tải cho các cơ sở y tế, bệnh viện tuyến trên. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tư vấn hỗ trợ người dân tự điều trị tại nhà.

3. Nâng cao năng lực thu dung, điều trị; giảm tối đa các trường hợp tử vong; chủ động, sẵn sàng các các biện pháp phòng, chống dịch theo diễn biến dịch bệnh trên địa bàn nhằm phát hiện sớm, điều trị sớm, hạn chế tối đa các trường hợp chuyển biến nặng, tử vong; tăng cường theo dõi, giám sát sức khỏe người nhiễm vi rút để kịp thời liên hệ với cơ sở y tế ngay khi có nhu cầu.

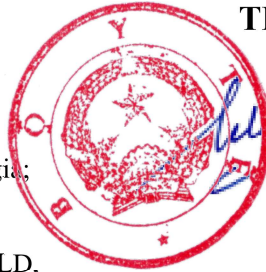
4. Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để thường xuyên đánh giá tình hình dịch bệnh, chuẩn bị sẵn sàng các phương án đáp ứng dịch khi đưa học sinh quay lại trường học và mở cửa du lịch.

5. Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục thực hiện nghiêm, hiệu quả Nghị quyết số 128/NQ-CP. Thực hiện hiệu quả nguyên tắc: 5K+ vắc xin, thuốc điều trị + công nghệ + ý thức người dân. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền về phòng, chống dịch bệnh; nâng cao ý thức cá nhân trong việc chủ động, tự giác thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch; thực hiện đúng các quy định, hướng dẫn của Bộ Y tế trong quản lý, điều trị người nhiễm COVID-19 tại nhà, không áp dụng theo các hướng dẫn từ các nguồn thông tin không tin cậy, chưa được kiểm chứng.

Bộ Y tế kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Các Đồng chí PTT Chính phủ (để báo cáo);
- Các Văn phòng: TƯ, QH, CTN, CP;
- Đoàn Kiểm tra 35;
- Các Đồng chí thành viên Ban chỉ đạo Quốc gia;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Đồng chí Thứ trưởng;
- Các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế: YTDP, KCB, QLD, MT, KHTC, TTKT;
- Lưu: VT, DP.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Trường Sơn

Phụ lục 1: Tổng hợp số mắc, tử vong trong nước từ 27/4/2021

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 25/02	Số mắc ngày 26/02	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 26/02	Số tử vong tích lũy đến 25/02
Có lây nhiễm thứ phát trong 14 ngày qua:		78.774	77.970	-804	3.211.647	39.927
1	Hồ Chí Minh	2.206	2069	-137	530.334	20.410
2	Bình Dương	339	696	357	296.256	3.398
3	Hà Nội	9.836	10.783	947	247.583	909
4	Đồng Nai	109	128	19	101.051	1.731
5	Tây Ninh	174	211	37	89.934	842
6	Vĩnh Phúc	2.367	2995	628	76.593	14
7	Khánh Hòa	1.631	1211	-420	73.687	306
8	Bắc Ninh	2.139	2.041	-98	72.047	106
9	Hải Phòng	1.919	2.025	106	63.118	114
10	Cà Mau	558	527	-31	60.838	293
11	Thái Nguyên	1.489	1485	-4	58.005	34
12	Bình Phước	1080	1092	12	55.160	192
13	Vĩnh Long	84	114	30	54.814	771
14	Đà Nẵng	957	986	29	54.533	234
15	Bình Định	963	918	-45	49.654	207
16	Hải Dương	2.441	2.534	93	49.062	51
17	Nghệ An	2.424	3.985	1.561	48.488	84
18	Đồng Tháp	14	30	16	47.975	962
19	Nam Định	2.581	2654	73	46.617	55
20	Bắc Giang	3.563	1998	-1.565	45.020	27
21	Cần Thơ	74	47	-27	44.957	908
22	Bến Tre	147	198	51	43.551	401
23	Long An	66	60	-6	42.223	989
24	Quảng Ninh	4.615	2559	-2.056	41.399	16
25	Phú Thọ	2.696	2696	0	41.096	26
26	Thanh Hóa	885	875	-10	41.039	56
27	Trà Vinh	39	130	91	38.898	244
28	Hòa Bình	2.385	2373	-12	38.482	59
29	BRVT	846	866	20	37.783	457
30	Hưng Yên	2.403	2962	559	37.693	2
31	Bạc Liêu	135	163	28	36.750	387
32	An Giang	29	26	-3	35.865	1.322
33	Tiền Giang	2	9	7	35.474	1.220
34	Kiên Giang	67	98	31	34.400	890
35	Sóc Trăng	10		-10	32.504	588
36	Quảng Nam	1.328	829	-499	32.305	69
37	Bình Thuận	254	196	-58	31.757	420
38	Đắc Lắc	1.912	1896	-16	29.806	107
39	Ninh Bình	1.971	2063	92	28.743	45
40	T.T.Huế	200	248	48	26.919	168
41	Thái Bình	1.585	1667	82	26.439	13
42	Lâm Đồng	785	729	-56	26.417	87
43	Lào Cai	1.525	1929	404	22.989	14
44	Sơn La	2001	2136	135	21.833	
45	Hà Giang	1.493	1590	97	20.232	41
46	Quảng Bình	1218	1266	48	19.752	29
47	Tuyên Quang	2.797	2737	-60	19.833	7

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 25/02	Số mắc ngày 26/02	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 26/02	Số tử vong tích lũy đến 25/02
48	Yên Bái	1.785	1954	169	19.485	6
49	Lạng Sơn	2.046	1.000	-1.046	18.774	39
50	Quảng Ngãi	235	236	1	18.534	88
51	Phú Yên	777		-777	17.258	85
52	Gia Lai	603	712	109	16.535	45
53	Hậu Giang	11	17	6	16.274	204
54	Đắc Nông	220	180	-40	13.454	35
55	Quảng Trị	546	492	-54	13.041	13
56	Hà Nam	619	705	86	12.791	15
57	Hà Tĩnh	734	748	14	12.712	8
58	Cao Bằng	914	1112	198	9.853	16
59	Điện Biên	891	1067	176	9.447	5
60	Ninh Thuận	24	22	-2	7.146	57
61	Kon Tum	194	197	3	6.219	
62	Lai Châu	623	475	-148	5.604	
63	Bắc Kạn	210	223	13	3.612	6
14 ngày qua không có lấy nhiệm vụ phát tại địa phương:						
Đã qua 14 ngày không ghi nhận ca mắc mới:					202	-
	BVNĐ TW				96	
	BV K				106	
	Tổng cộng	78.774	77.970	-804	3.211.849	39.927

PHỤ LỤC 2
PHÂN BỐ VÀ KẾT QUẢ TIÊM CHỦNG VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 25/02/2022)

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 128 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 128 đợt
1	Hà Nội	17.732.612	6.220.553	5.970.049	0	232.719	3.603.414	696.544	672.654	17.395.933	98,1%
2	Hải Phòng	4.404.320	1.693.190	1.614.790	0	547.474	305.033	173.347	174.389	4.508.223	102,4%
3	Thái Bình	3.130.940	1.151.549	1.189.542	96.673	233.695	244.216	150.029	146.159	3.211.863	102,6%
4	Nam Định	3.173.360	1.140.833	1.121.431	0	58.514	337.915	157.820	143.236	2.959.749	93,3%
5	Hà Nam	1.839.760	581.811	572.126	0	272.828	220.981	70.959	69.138	1.787.843	97,2%
6	Ninh Bình	1.747.960	636.194	654.320	0	235.036	106.122	82.166	76.925	1.790.763	102,4%
7	Thanh Hoá	7.685.680	2.352.904	2.135.658	228.432	397.313	336.266	283.435	281.516	6.015.524	78,3%
8	Bắc Giang	3.686.480	1.305.661	1.288.142	0	159.744	955.291	149.767	149.254	4.007.859	108,7%
9	Bắc Ninh	3.032.450	1.133.786	1.087.188	0	360.203	362.449	115.527	108.163	3.167.316	104,4%
10	Phú Thọ	2.398.740	999.625	997.083	0	273.509	215.592	124.912	123.397	2.734.118	114,0%
11	Vĩnh Phúc	2.262.070	786.991	767.435	0	233.962	219.143	114.123	112.099	2.233.753	98,7%
12	Hải Dương	3.214.630	1.325.793	1.258.883	4.595	91.139	353.082	157.247	153.881	3.344.620	104,0%
13	Hưng Yên	2.458.262	820.979	792.189	0	292.511	249.534	110.141	108.368	2.373.722	96,6%
14	Thái	2.312.690	918.015	884.472	12.792	198.180	142.325	108.213	106.691	2.370.688	102,5%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 128 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 128 đợt
	Nguyên										
15	Bắc Cạn	565.100	215.948	210.667	0	10.437	29.948	24.836	21.379	513.215	90,8%
16	Quảng Ninh	3.125.858	1.007.655	972.389	0	21.625	833.415	119.421	110.336	3.064.841	98,0%
17	Hoà Bình	1.616.610	549.628	516.247	0	219.643	139.012	75.444	71.462	1.571.436	97,2%
18	Nghệ An	5.478.880	2.005.436	1.998.146	499.033	570.777	618.628	281.138	267.952	6.241.110	113,9%
19	Hà Tĩnh	2.250.650	801.376	731.933	0	216.936	121.264	112.855	106.866	2.091.230	92,9%
20	Lai Châu	777.270	255.305	244.363	0	105.127	77.986	53.357	47.752	783.890	100,9%
21	Lạng Sơn	1.604.890	504.631	492.338	0	0	390.823	66.528	62.859	1.517.179	94,5%
22	Tuyên Quang	1.354.160	486.993	467.519	0	35.763	141.026	70.237	67.026	1.268.564	93,7%
23	Hà Giang	1.572.780	480.614	457.471	269	83.866	157.558	87.233	76.684	1.343.695	85,4%
24	Cao Bằng	873.380	348.768	327.956	0	71.302	88.028	45.439	41.350	922.843	105,7%
25	Yên Bái	1.612.060	513.979	500.680	0	259.810	193.006	78.940	75.560	1.621.975	100,6%
26	Lào Cai	1.483.760	464.089	450.123	0	250.447	107.023	80.377	74.210	1.426.269	96,1%
27	Sơn La	1.746.280	735.048	691.550	2.334	0	154.120	140.859	131.192	1.855.103	106,2%
28	Điện Biên	1.115.500	339.330	313.403	0	181.853	78.612	72.701	58.744	1.044.643	93,6%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 128 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 128 đợt
Cộng miền Bắc		84.257.132	29.776.684	28.708.093	844.128	5.614.413	10.781.812	3.803.595	3.639.242	83.167.967	98,7%
29	Quảng Bình	1.512.770	532.170	515.689	0	119.527	65.730	79.526	68.564	1.381.206	91,3%
30	Quảng Trị	1.289.332	429.893	414.300	9.938	60.562	120.844	61.963	59.411	1.156.911	89,7%
31	TT- Huế	2.398.476	786.151	761.751	0	239.616	199.342	102.409	98.227	2.187.496	91,2%
32	Tp. Đà Nẵng	2.490.682	862.695	854.627	0	88.804	321.802	100.536	98.437	2.326.901	93,4%
33	Quảng Nam	3.129.120	1.042.496	1.029.645	31.972	347.839	176.340	132.605	130.337	2.891.234	92,4%
34	Quảng Ngãi	2.655.404	852.436	797.614	0	96.900	212.192	112.649	110.714	2.182.505	82,2%
35	Bình Định	2.949.670	1.048.079	1.011.909	53.355	327.799	179.222	140.802	136.561	2.897.727	98,2%
36	Phú Yên	1.732.454	625.157	596.247	502	71.423	192.261	85.239	80.618	1.651.447	95,3%
37	Khánh Hòa	2.755.850	975.940	949.018	0	392.932	362.097	119.093	115.764	2.914.844	105,8%
38	Ninh Thuận	1.236.810	430.580	400.219	0	125.875	117.841	60.742	55.829	1.191.086	96,3%
39	Bình Thuận	2.690.820	907.064	877.178	7.207	250.674	114.020	131.216	121.652	2.409.011	89,5%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 128 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 128 đợt
Cộng miền Trung		24.841.388	8.492.661	8.208.197	102.974	2.121.951	2.061.691	1.126.780	1.076.114	23.190.368	93,4%
40	Kon Tum	1.020.100	320.418	318.022	9.459	91.008	57.902	58.966	55.516	911.291	89,3%
41	Gia Lai	2.684.932	995.965	907.240	75.572	133.408	137.868	167.563	145.006	2.562.622	95,4%
42	Đắk Lắk	3.390.470	1.253.946	1.182.416	0	443.290	118.904	178.061	162.759	3.339.376	98,5%
43	Đắk Nông	1.259.220	402.873	397.722	0	191.460	79.349	68.070	65.742	1.205.216	95,7%
Cộng Tây Nguyên		8.354.722	2.973.202	2.805.400	85.031	859.166	394.023	472.660	429.023	8.018.505	96,0%
44	TP. HCM	20.331.840	7.385.812	6.634.213	0	667.616	3.987.090	725.589	680.322	20.080.642	98,8%
45	BR-VT	2.756.640	969.931	895.519	0	0	555.681	110.513	109.244	2.640.888	95,8%
46	Đồng Nai	6.321.360	2.619.680	2.253.244	0	162.358	469.528	284.173	271.486	6.060.469	95,9%
47	Tiền Giang	3.725.890	1.320.394	1.279.268	138.765	99.810	515.547	155.876	156.933	3.666.593	98,4%
48	Long An	4.327.790	1.499.420	1.454.653	30	18.424	944.199	171.069	154.563	4.242.358	98,0%
49	Lâm Đồng	2.968.224	981.409	963.581	0	515.251	187.383	138.552	119.949	2.906.125	97,9%
50	Tây Ninh	2.581.560	948.418	889.505	10.161	30.414	470.355	109.039	100.531	2.558.423	99,1%
51	Cần Thơ	2.765.418	943.412	940.271	5.907	328.435	220.723	108.811	101.362	2.648.921	95,8%
52	Sóc Trăng	2.641.060	899.036	865.520	0	638.791	45.652	116.852	111.026	2.676.877	101,4%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 128 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 128 đợt
53	An Giang	4.054.292	1.363.322	1.343.660	189.797	428.911	217.162	203.685	188.760	3.935.297	97,1%
54	Bến Tre	2.992.580	1.022.662	1.004.162	0	454.973	197.609	106.936	103.869	2.890.211	96,6%
55	Trà Vinh	2.088.470	698.874	685.171	0	14.376	443.219	98.456	90.955	2.031.051	97,3%
56	Vĩnh Long	2.337.120	777.648	760.003	0	286.952	259.423	91.568	87.128	2.262.722	96,8%
57	Đồng Tháp	3.614.810	1.153.786	1.146.624	148	369.975	230.630	158.940	141.952	3.202.055	88,6%
58	Bình Dương	6.162.150	2.383.066	1.951.025	0	22.104	295.131	186.968	141.929	4.980.223	80,8%
59	Bình Phước	2.212.180	751.934	719.662	0	212.931	134.786	109.584	100.949	2.029.846	91,8%
60	Kiên Giang	3.601.150	1.238.102	1.156.203	65.192	0	247.102	166.535	156.962	3.030.096	84,1%
61	Cà Mau	2.427.210	818.765	808.584	0	410.143	120.020	112.601	111.924	2.382.037	98,1%
62	Bạc Liêu	1.604.190	567.832	558.149	0	175.208	140.085	88.671	85.854	1.615.799	100,7%
63	Hậu Giang	1.529.630	531.807	511.784	0	247.804	72.410	74.042	71.613	1.509.460	98,7%
Cộng miền Nam		81.043.564	28.875.310	26.820.801	410.000	5.084.476	9.753.735	3.318.460	3.087.311	77.350.093	95,4%

Ghi chú:

- 1.248.320 liều vắc xin AstraZeneca đợt 127 và 188.080 liều vắc xin Moderna đợt 128 có Quyết định phân bổ ngày 22/02/2022.

- Một số tỉnh, thành phố có số tiêm mũi 1, mũi 2 cao hơn dân số từ 18 tuổi trở lên và số tiêm mũi 2 cao hơn mũi 1 do di biến động dân cư.

- Số phân bổ trên bảng chưa bao gồm 65.490 liều vắc xin kiểm định, lưu mẫu; 310.000 liều cấp cho các đơn vị theo yêu cầu của nhà tài trợ (Tập đoàn Vạn Thịnh Phát, Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam, VNVC) và số phân bổ của Bộ Quốc phòng/Bộ Công an.

- Bộ Quốc phòng được cấp 1.646.220 liều vắc xin, đơn vị y tế của Bộ Quốc phòng đã triển khai tiêm được 1.411.493 liều, trong đó có 574.604 mũi 1, 519.399 mũi 2 và 317.490 liều nhắc lại.

- Bộ Công an được cấp 1.342.680 liều, đơn vị y tế của Bộ Công an triển khai tiêm được 136.259 liều, trong đó có 59.924 mũi 1, 37.872 mũi 2 và 38.463 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh.

PHỤ LỤC 3
TỶ LỆ BAO PHỦ VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 25/02/2022)

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
1	Hà Nội	5.449.464	676.050	100,0%	100,0%	66,1%	100,0%	99,5%
2	Hải Phòng	1.442.515	168.000	100,0%	100,0%	21,1%	100,0%	100,0%
3	Thái Bình	1.245.000	150.000	92,5%	95,5%	19,6%	100,0%	97,4%
4	Nam Định	1.159.000	145.000	98,4%	96,8%	29,2%	100,0%	98,8%
5	Hà Nam	612.219	72.258	95,0%	93,5%	36,1%	98,2%	95,7%
6	Ninh Bình	665.715	81.762	95,6%	98,3%	15,9%	100,0%	94,1%
7	Thanh Hoá	2.204.426	285.497	100,0%	96,9%	15,3%	99,3%	98,6%
8	Bắc Giang	1.280.197	150.059	100,0%	100,0%	74,6%	99,8%	99,5%
9	Bắc Ninh	1.146.710	116.710	98,9%	94,8%	31,6%	99,0%	92,7%
10	Phú Thọ	1.010.520	128.757	98,9%	98,7%	21,3%	97,0%	95,8%
11	Vĩnh Phúc	789.896	115.958	99,6%	97,2%	27,7%	98,4%	96,7%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
12	Hải Dương	1.344.063	157.641	98,6%	93,7%	26,3%	99,8%	97,6%
13	Hưng Yên	826.028	112.803	99,4%	95,9%	30,2%	97,6%	96,1%
14	Thái Nguyên	918.061	107.936	100,0%	96,3%	15,5%	100,0%	98,8%
15	Bắc Cạn	220.169	25.202	98,1%	95,7%	13,6%	98,5%	84,8%
16	Quảng Ninh	1.020.234	121.623	98,8%	95,3%	81,7%	98,2%	90,7%
17	Hoà Bình	570.146	73.734	96,4%	90,5%	24,4%	100,0%	96,9%
18	Nghệ An	1.960.688	274.429	100,0%	100,0%	31,6%	100,0%	97,6%
19	Hà Tĩnh	795.436	115.398	100,0%	92,0%	15,2%	97,8%	92,6%
20	Lai Châu	261.410	52.540	97,7%	93,5%	29,8%	100,0%	90,9%
21	Lạng Sơn	506.403	65.750	99,7%	97,2%	77,2%	100,0%	95,6%
22	Tuyên Quang	488.140	72.401	100,0%	95,8%	28,9%	97,0%	92,6%
23	Hà Giang	490.008	89.928	98,1%	93,4%	32,2%	97,0%	85,3%
24	Cao Bằng	368.973	44.257	94,5%	88,9%	23,9%	100,0%	93,4%
25	Yên Bái	510.271	79.169	100,0%	98,1%	37,8%	99,7%	95,4%
26	Lào Cai	445.152	79.914	100,0%	100,0%	24,0%	100,0%	92,9%
27	Sơn La	737.237	141.675	99,7%	93,8%	20,9%	99,4%	92,6%
28	Điện Biên	339.186	67.539	100,0%	92,4%	23,2%	100,0%	87,0%
Cộng miền Bắc		28.807.267	3.771.990	100,0%	99,7%	37,4%	100,0%	96,5%
29	Quảng Bình	541.719	79.538	98,2%	95,2%	12,1%	100,0%	86,2%
30	Quảng Trị	453.602	69.712	94,8%	91,3%	26,6%	88,9%	85,2%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
31	TT- Huế	779.911	103.142	100,0%	97,7%	25,6%	99,3%	95,2%
32	Tp. Đà Nẵng	885.070	102.225	97,5%	96,6%	36,4%	98,3%	96,3%
33	Quảng Nam	1.086.469	140.387	96,0%	94,8%	16,2%	94,5%	92,8%
34	Quảng Ngãi	852.717	114.877	100,0%	93,5%	24,9%	98,1%	96,4%
35	Bình Định	1.115.072	146.514	94,0%	90,7%	16,1%	96,1%	93,2%
36	Phú Yên	649.673	85.684	96,2%	91,8%	29,6%	99,5%	94,1%
37	Khánh Hòa	952.940	128.449	100,0%	99,6%	38,0%	92,7%	90,1%
38	Ninh Thuận	419.775	61.690	100,0%	95,3%	28,1%	98,5%	90,5%
39	Bình Thuận	902.470	128.964	100,0%	97,2%	12,6%	100,0%	94,3%
Cộng miền Trung		8.639.418	1.161.182	98,3%	95,0%	23,9%	97,0%	92,7%
40	Kon Tum	338.741	60.751	94,6%	93,9%	17,1%	97,1%	91,4%
41	Gia Lai	950.154	173.530	100,0%	95,5%	14,5%	96,6%	83,6%
42	Đắk Lắk	1.266.098	185.763	99,0%	93,4%	9,4%	95,9%	87,6%
43	Đắk Nông	404.872	68.824	99,5%	98,2%	19,6%	98,9%	95,5%
Cộng Tây Nguyên		2.959.865	488.868	100,0%	94,8%	13,3%	96,7%	87,8%
44	TP. HCM	6.826.573	831.740	100,0%	97,2%	58,4%	87,2%	81,8%
45	BR-VT	956.596	112.724	100,0%	93,6%	58,1%	98,0%	96,9%
46	Đồng Nai	2.489.971	292.031	100,0%	90,5%	18,9%	97,3%	93,0%
47	Tiền Giang	1.300.609	158.524	100,0%	98,4%	39,6%	98,3%	99,0%
48	Long An	1.452.231	167.662	100,0%	100,0%	65,0%	100,0%	92,2%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
49	Lâm Đồng	972.137	131.801	100,0%	99,1%	19,3%	100,0%	91,0%
50	Tây Ninh	954.662	103.358	99,3%	93,2%	49,3%	100,0%	97,3%
51	Cần Thơ	947.860	112.746	99,5%	99,2%	23,3%	96,5%	89,9%
52	Sóc Trăng	866.520	111.555	100,0%	99,9%	5,3%	100,0%	99,5%
53	An Giang	1.371.622	198.826	99,4%	98,0%	15,8%	100,0%	94,9%
54	Bến Tre	1.038.922	104.446	98,4%	96,7%	19,0%	100,0%	99,4%
55	Trà Vinh	698.227	96.275	100,0%	98,1%	63,5%	100,0%	94,5%
56	Vĩnh Long	769.026	91.692	100,0%	98,8%	33,7%	99,9%	95,0%
57	Đồng Tháp	1.245.157	159.973	92,7%	92,1%	18,5%	99,4%	88,7%
58	Bình Dương	2.361.053	194.210	100,0%	82,6%	12,5%	96,3%	73,1%
59	Bình Phước	758.594	107.044	99,1%	94,9%	17,8%	100,0%	94,3%
60	Kiên Giang	1.190.277	172.958	100,0%	97,1%	20,8%	96,3%	90,8%
61	Cà Mau	813.771	112.247	100,0%	99,4%	14,7%	100,0%	99,7%
62	Bạc Liêu	572.580	90.822	99,2%	97,5%	24,5%	97,6%	94,5%
63	Hậu Giang	536.163	70.270	99,2%	95,5%	13,5%	100,0%	100,0%
Cộng miền Nam		28.122.551	3.420.904	100,0%	95,4%	34,7%	97,0%	90,2%

PHỤ LỤC 4
Công tác liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19
của một số Bộ, ngành

I. Bộ Quốc phòng

Tình hình nhập xuất cảnh qua biên giới đường bộ từ 16h00 ngày 23/02/2022 đến 16h00 ngày 24/02/2022:

- Tổng xuất nhập cảnh: 4.936 lượt người (nhập cảnh: 2.138, xuất cảnh: 2.798).
- + Tuyến VN-TQ: 1.425 lượt người (nhập cảnh: 629, xuất cảnh: 796).
- + Tuyến VN-Lào: 2.534 lượt người (nhập cảnh 1.180, xuất cảnh: 1.354).
- + Tuyến VN-CPC: 977 lượt người (nhập cảnh 329; xuất cảnh: 648).
- Bàn giao cho y tế địa phương cách ly: 397 người trong đó:
 - + Số người nhập cảnh qua cửa khẩu: 299 người (VN-TQ: 09; VN-Lào: 70; VN-CPC: 220).
 - + Số người nhập cảnh trái phép: 96 người (VN-TQ: 09; VN-Lào: 06, VN-CPC: 81).
 - + Số người trao trả: 02 người (VN-TQ: 01; VN-Lào: 0, VN-CPC: 01).

II. Bộ Công an

Tình hình nhập xuất cảnh qua đường hàng không từ ngày 22/02/2022 tới ngày 23/02/2022:

- Tổng số người nước ngoài nhập xuất cảnh: 1.427 lượt người (nhập cảnh: 902 lượt người; xuất cảnh: 525 lượt người).
- Tổng số công dân Việt Nam nhập xuất cảnh: 3.962 lượt người (nhập cảnh: 1.677 lượt người; xuất cảnh: 2.285 lượt người).

III. Thông tấn xã Việt Nam

Ngày 25/02, TTXVN đăng phát, cung cấp cho các cơ quan báo chí, thông tin trực tiếp đến công chúng hơn 53 tin/bài tiếng Việt; 134 ảnh trong nước và quốc tế; gần 19 tin/bài bằng các ngữ Anh, Pháp, Trung, Tây Ban Nha, Nga; Trung tâm Truyền hình Thông tấn sản xuất và phát sóng tin, phóng sự về diễn biến dịch bệnh, công tác phòng, chống COVID-19 ở trong nước và các vấn đề liên quan, cập nhật diễn biến dịch bệnh trên thế giới. Trung tâm Thông tin tư liệu và Đồ họa thực hiện các đồ họa cập nhật diễn biến dịch bệnh, công tác tiêm vaccine phòng COVID-19, Việt Nam sẽ tiếp nhận chuyển giao công nghệ sản xuất vaccine mRNA...

Các đơn vị thông tin và Cơ quan thường trú tại các địa phương của TTXVN tập trung thông tin/phản ánh việc thực hiện các chỉ đạo của Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống dịch COVID-19, chỉ đạo, khuyến cáo của Bộ Y tế; các địa phương tăng cường, điều chỉnh giải pháp ứng phó khi dịch gia tăng; các biện pháp cung ứng, hướng dẫn quản lý thuốc điều trị và mua bán các loại kit test...

Về thông tin quốc tế, các Cơ quan thường trú ngoài nước phối hợp với các đơn vị của TTXVN thông tin cập nhật diễn biến dịch bệnh tại các nước/khu vực trên thế giới với một số thông tin đáng chú ý như: Campuchia cảnh báo làn sóng dịch Omicron ở trường học; Omicron gây ra nhiều ca tử vong hơn Delta; EMA phê duyệt vaccine của Pfizer tiêm tăng cường cho người trên 12 tuổi; Canada phê duyệt loại vaccine đầu

tiên sản xuất trong nước; WHO khuyến khích Indonesia trở thành trung tâm sản xuất vaccine phòng COVID-19 tại Đông Nam Á; FDA Mỹ khuyến cáo không sử dụng thuốc Sotrovimab trong điều trị bệnh nhân nhiễm “Omicron tàng hình”; Triển vọng phát triển thuốc kháng virus điều trị các bệnh do virus họ SARS gây ra; Trẻ em ít lây truyền virus SARS-CoV-2 hơn người lớn; Malaysia điều chỉnh quy định cách ly sau khi tiếp xúc gần với F0; Thái Lan sẽ tuyên bố COVID-19 là bệnh đặc hữu trong vòng 4 tháng...

IV. Bộ Thông tin và truyền thông

1. Viễn thông

- Các DNVT di động tiếp tục duy trì việc cài đặt âm thông báo tại: Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Phước.

- Tính đến hết 24/02, hệ thống tổng đài 19009095 đã tiếp nhận và xử lý gần 10.348.000 cuộc gọi (ngày 24/02 đã tiếp nhận và xử lý hơn 9 nghìn cuộc gọi).

12/2	13/2	14/2	15/2	16/2	17/2	18/2	19/2	20/2	21/2	22/2	23/2	24/2
785 8	622 9	774 7	777 6	832 6	927 7	931 8	948 5	752 8	811 2	787 0	807 2	927 4

- Tổng đài hỗ trợ khai báo y tế 18001119:

Từ 18/5/2021 – 24/02/2022 đã tiếp nhận hơn 311 nghìn cuộc (ngày 24/02/2022 đã tiếp nhận 65 cuộc).

Tiêu chí	12/2	13/2	14/2	15/2	16/2	17/2	18/2	19/2	20/2	21/2	22/2	23/2	24/2
Cuộc gọi đến	47	57	53	56	59	80	65	59	62	51	56	69	65

2. Ứng dụng Công nghệ thông tin:

2.1. Triển khai ứng dụng PC-Covid:

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đến ngày 30/9/2021, Bộ TT&TT đã hoàn tất việc phát triển một ứng dụng duy nhất của Ban Chỉ đạo phòng, chống Covid-19 Quốc gia lấy tên là PC-Covid. Ứng dụng PC-Covid đã được đưa lên Kho ứng dụng Apple và Google và chính thức được giới thiệu vào ngày 01/10/2021.

- Toàn quốc có tổng số điện thoại thông minh cài PC-Covid: 36.856.194 (= ngàn so với 24/02/2022, tăng 21.051 ngàn so với 28/4 – bắt đầu đợt dịch thứ 4), chiếm 38,42% dân số, 55,27% số điện thoại thông minh.

2.2 Triển khai QR code

Triển khai Nền tảng khai báo y tế điện tử và quản lý thông tin người ra vào địa điểm công cộng bằng mã vuông QR giúp truy vết nhanh, khi có trường hợp F0 dễ dàng phát hiện ngay danh sách các địa điểm công cộng mà F0 đã đến.

- Toàn quốc:

+ 3.758.351 điểm đăng ký

+ 129.374 điểm ghi nhận hoạt động.

- Tổng lượt quét mã QR để ghi nhận vào ra tại các địa điểm đăng ký: 254.849.849

2.3 Nền tảng quản lý tiêm chủng:

- Tổng số mũi tiêm thực tế: 192.865.986
- Tổng số mũi tiêm đã cập nhật lên Nền tảng: 181.225.405
- Tỷ lệ tổng mũi tiêm trên nền tảng/ tổng mũi tiêm thực tế đạt: 93,96%
- Tổng số thuê bao cài đặt Sở sức khỏe điện tử (SKĐT): 32.927.770
- Nền tảng quản lý tiêm chủng Covid-19 đã được hoàn thành và đang được triển khai tại các tỉnh, thành phố.

2.4 Triển khai Nền tảng hỗ trợ lấy mẫu và trả kết quả xét nghiệm theo hình thức điện tử trực tuyến

Trung tâm công nghệ phòng chống Covid-19 Quốc gia đã phối hợp cùng triển khai Nền tảng hỗ trợ lấy mẫu và trả kết quả xét nghiệm theo hình thức điện tử trực tuyến tại một số địa phương: Tây Ninh; Bình Dương; Bắc Giang; Đồng Nai; Đồng Tháp; Cần Thơ; Vĩnh Long; Bà Rịa – Vũng Tàu... và 26 địa phương khác cũng đang trong quá trình tập huấn đề chuẩn bị triển khai. Một số địa phương triển khai dữ liệu xét nghiệm tốt và có hiệu quả, điển hình là tỉnh Tây Ninh. Trên 90% dữ liệu kết quả xét nghiệm của Tây Ninh được số hoá trên Nền tảng, sẵn sàng chia sẻ và sử dụng.

- Tổng số mẫu nhập vào nền tảng hỗ trợ lấy mẫu: 18.817.634
- Tổng số kết quả xét nghiệm trả qua Bluezone/PCCovid của các tỉnh 7.800.677

3. Báo chí, truyền thông

- Tin, bài về COVID-19 chiếm 14,5%/tổng tin, bài trên báo chí điện tử.
- Một số các cơ quan báo chí vẫn duy trì nhiều tin, bài về phòng, chống dịch: Báo Tin tức, Thanh niên, Lao động, VOV, Nhân dân, Tuổi trẻ, Tiền phong, Người lao động...

(1) Nhận định chung:

- Báo chí thông tin kịp thời về các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, BCD Quốc gia về phòng, chống dịch bệnh COVID-19.
- Tuyên truyền việc phục hồi, phát triển kinh tế của bộ, ngành, địa phương bên cạnh việc chống dịch.
- Tuyên truyền việc mở lại du lịch; việc học sinh, sinh viên đến trường...
- Báo chí vẫn tiếp tục tăng cường khuyến cáo, nâng cao ý thức của người dân, không được lơ là, chủ quan, xem nhẹ các biện pháp phòng, chống dịch khi số ca mắc trong cộng đồng ngày càng tăng cao; hướng dẫn về điều trị F0 tại nhà.

(2) Thông tin về chỉ đạo chống dịch:

- Tại cuộc họp báo Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 và phục hồi kinh tế TP HCM, bà Nguyễn Thị Huỳnh Mai, Chánh Văn phòng Sở Y tế TP cho biết các sản phẩm thuốc Molnupiravir do Việt Nam sản xuất đã được Bộ Y tế chính thức công bố giá bán lẻ. Các doanh nghiệp đã cung ứng thuốc cho các đơn vị phân phối được phẩm. Đến ngày 24/02, thuốc Molnupiravir đã có tại các cửa hàng thuốc tây trên địa bàn Thành phố.

Tuy nhiên, người bệnh bắt buộc phải có đơn thuốc do bác sỹ trực tiếp chịu trách nhiệm theo dõi COVID-19 kê mới được mua. Bác sỹ kê đơn có thể là bác sỹ của Trạm Y tế, Trạm Y tế lưu động, bệnh viện hoặc bệnh viện tư nhân. Bác sỹ phải khẳng định

bệnh nhân mắc COVID-19 và đủ điều kiện dùng thuốc Molnupiravir, để phòng ngừa tất cả các biến chứng, tai biến có thể xảy ra.

Đồng thời khuyến cáo, việc mua hộ thuốc Molnupiravir gửi cho người thân ở các tỉnh, thành phố khác là việc rất nguy hiểm. Bởi điều kiện bán thuốc kháng virus cho người dân rất chặt chẽ, nhằm bảo vệ người uống, bảo vệ cộng đồng. Việc sử dụng bừa bãi thuốc kháng sinh hay kháng virus sẽ dẫn đến nguy cơ kháng thuốc, đe dọa đến cộng đồng.

- Kết quả thăm dò dư luận của Viện Dư luận xã hội, Ban Tuyên giáo Trung ương tại 63 tỉnh, thành trên cả nước cho thấy 78% ý kiến cho rằng tiêm vắc-xin phòng COVID-19 cho trẻ từ 5-11 tuổi là “rất cần thiết, cần tổ chức tiêm càng sớm càng tốt”; 81% ý kiến “sẵn sàng đưa trẻ em đi tiêm vắc-xin phòng COVID-19”.

(3) Công tác phòng, chống dịch tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và một số địa phương:

- Thành phố Hồ Chí Minh:

- Phó Ban chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 và phục hồi kinh tế TP HCM cho biết số trẻ em nhiễm COVID-19 trên địa bàn TP đang tăng cao. Cụ thể, số trẻ nhiễm từ ngày 14/02 đến 21/02 gấp 3 lần so với tuần trước.

Trước tình hình này, TP đã có kế hoạch chăm sóc trẻ em bị nhiễm, đó là thực hiện chiến dịch bảo vệ trẻ em, trong đó ưu tiên bảo vệ trẻ có nguy cơ như béo phì.

Chiến dịch này gồm 7 nội dung: Cung cấp số điện thoại để tư vấn từ xa, giải đáp thắc mắc cho phụ huynh, thân nhân, người chăm sóc bệnh nhi; tập huấn giáo viên nhận biết các dấu hiệu trẻ nhiễm COVID-19 để xử lý; tập huấn hệ thống y tế từ trung tâm y tế, trạm y tế, trung tâm y tế lưu động, các bệnh viện nhi trên địa bàn TP; phân tầng điều trị và hướng dẫn chăm sóc trẻ tại nhà, trường học; xây dựng kịch bản khi số trẻ mắc gia tăng; tăng cường truyền thông về nguyên nhân, mức độ và các giải pháp, sẵn sàng kế hoạch triển khai tiêm vắc xin cho trẻ dưới 12 tuổi.

- Thành phố Hà Nội:

Hà Nội tiếp tục dẫn đầu cả nước về số ca mắc mới COVID-19 tăng 8.864 F0, nâng tổng số ca COVID-19 của Hà Nội là 226.964 F0. Trước tình trạng này, tối 24/02, UBND TP Hà Nội đã ra công điện hỏa tốc về kiểm soát hiệu quả dịch bệnh COVID-19, biến thể SARS-CoV-2, đẩy mạnh tiêm vắc-xin phòng COVID-19...

Đáng chú ý, liên quan đến việc một số mặt hàng phục vụ phòng, chống dịch tăng giá đột biến trong thời gian quan, Chủ tịch TP Hà Nội đề nghị Cục Quản lý thị trường, Công an và Cục thuế Thành phố phối hợp các Sở, ngành Thành phố và địa phương triển khai ngay việc kiểm tra, kiểm soát đối với các cơ sở, cá nhân kinh doanh dược, sản phẩm, dịch vụ test COVID-19; Xử lý nghiêm các vi phạm về giấy phép, việc trục lợi, tăng đột biến giá, kinh doanh hàng kém chất lượng, hàng không rõ nguồn gốc.

Đồng thời tăng cường hiệu quả hoạt động của các trạm y tế và trạm y tế lưu động, tổ hỗ trợ chăm sóc theo dõi F0 tại nhà, nhất là địa bàn có mật độ dân cư cao, kịp thời chuyển tuyến điều trị theo hướng dẫn phân luồng tiếp nhận, điều trị người bệnh COVID-19 của ngành y tế.

Đẩy mạnh và thần tốc hơn nữa việc tổ chức tiêm vắc xin mũi thứ 3 cho người từ 18 tuổi trở lên, tiêm vét mũi thứ 2 cho trẻ em từ 12 đến dưới 17 tuổi; hoàn thành tốt chiến dịch tiêm chủng mùa xuân năm 2022 theo chỉ đạo của Thủ tướng.

Trước những diễn biến nhanh của dịch bệnh, người đứng đầu UBND TP Hà Nội yêu cầu ngành y tế phải tiếp tục rà soát và bổ sung giường điều trị COVID-19 tại các bệnh viện của TP. Đồng thời tập trung đảm bảo giường bệnh điều trị tầng 2, tầng 3 đáp ứng chăm sóc sức khỏe cho người dân, nhằm giảm tỉ lệ chuyển nặng và giảm tỉ lệ tử vong.

Về giáo dục, lãnh đạo TP Hà Nội yêu cầu Sở Giáo dục và đào tạo chủ trì, phối hợp Sở Y tế, UBND các quận, huyện, thị xã chỉ đạo, tổng hợp ý kiến các nhà trường khẩn trương rà soát, đánh giá đảm bảo an toàn trong trường học với học sinh khối lớp 1 đến lớp 6 khi trở lại học trực tiếp trong thời gian qua; Việc đề xuất giải pháp để nâng cao tỉ lệ học sinh lớp 7 đến lớp 12 học trực tiếp, báo cáo UBND TP trong ngày 25/02/2022, để xin ý kiến Thường trực Thành ủy xem xét, chỉ đạo.

- Tỉnh Bắc Giang: Ngày 24/2, toàn tỉnh Bắc Giang tăng lên 4.171 ca mắc mới COVID-19, đây là địa phương có F0 nhiều thứ 2 trong ngày, đứng sau Hà Nội. Hiện toàn tỉnh có 32.712 ca mắc COVID-19, trong đó 12 bệnh nhân nặng, 109 F0 mức độ vừa, 10.114 F0 mức độ nhẹ và 22.604 trường hợp không triệu chứng. 30.492 F0 đang điều trị tại nhà, chiếm 93,2%.

Trước diễn biến phức tạp của tình hình dịch COVID-19, Sở Y tế Bắc Giang chỉ đạo BVĐK tỉnh nghiên cứu, đề xuất phương án thành lập, mở rộng thêm cơ sở điều trị F0 mức độ nặng để đáp ứng nhu cầu trong tình hình mới. Đồng thời tăng cường nhân lực, hỗ trợ chuyên môn, nghiệp vụ cho Trạm Y tế xã, Trạm Y tế lưu động.

Hội Thầy thuốc trẻ tỉnh Bắc Giang đã thành lập mạng lưới “Thầy thuốc trẻ đồng hành” nhằm tư vấn, hỗ trợ miễn phí cho F0 điều trị tại nhà ở 10 huyện, thành phố, thông qua các nhóm zalo.